|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT THANH HÓA**TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN** ĐỀ THI CHÍNH THỨC( Đề thi gồm có 40 câu, 06 trang) | **KÌ THI KSCL CÁC MÔN THI TỐT NGHIỆP THPT - LẦN 2** **Năm học: 2021-2022** **Môn thi: Địa lí** **Ngày thi: 03/04/2022***Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
|   | **Mã đề thi 628** |

*Họ và tên thí sinh:............................................................Số báo danh:.......................*

**Câu 1:** Cho biểu đồ về cây hàng năm và cây lâu năm của nước ta giai đoạn 2015-2020



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Cơ cấu diện tích cây hàng năm và cây lâu năm của nước ta.

 **B.** Giá trị sản xuất cây hàng năm và cây lâu năm của nước ta.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích cây hàng năm và cây lâu năm của nước ta.

 **D.** Diện tích cây hàng năm và cây lâu năm của nước ta.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết đỉnh núi nào cao nhất trong các đỉnh núi sau đây?

 **A.** Phu Hoạt. **B.** Tây Côn Lĩnh.

 **C.** Phu Luông. **D.** Pu Xai Lai Leng.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết mũi Dinh thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Phú Yên. **B.** Bình Thuận. **C.** Khánh Hòa. **D.** Ninh Thuận.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết các cánh cung núi sau đây ở vùng núi Đông Bắc sắp xếp từ tây sang đông lần lượt là

 **A.** Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, sông Gâm.

 **B.** Đông Triều, sông Gâm, Bắc Sơn, Ngân Sơn.

 **C.** Sông Gâm, Đông Triều, Ngân Sơn, Bắc Sơn.

 **D.** Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

**Câu 5:** Cho biểu đồ:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA CAM-PU-CHIA VÀ THÁI LAN

NĂM 2019 (%)

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của

Cam-pu-chia và Thái Lan năm 2019?

 **A.** Công nghiệp-xây dựng và dịch vụ của Thái Lan chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.

 **B.** Công nghiệp-xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của cả hai nước.

 **C.** Tỉ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp của Cam-pu-chia thấp hơn nhiều so với Thái Lan.

 **D.** Tỉ trọng công nghiệp-xây dựng của Cam-pu-chia lớn hơn nhiều so với nông-lâm-ngư nghiệp.

**Câu 6:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng lao động.

 **B.** đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, thu hút dân cư.

 **C.** tạo cơ sở hình thành đô thị, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

 **D.** khai thác hiệu quả thế mạnh về tự nhiên và con người của vùng.

**Câu 7:** Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất feralit có mùn xuất hiện ở độ cao 600 - 700m đến 1600 – 1700m là do

 **A.** trên núi cao, độ dốc lớn tăng quá trình xói mòn, cường độ phong hóa yếu.

 **B.** nhiệt độ quanh năm dưới 150C, quá trình hình thành đất yếu đi.

 **C.** điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh.

 **D.** khí hậu mát mẻ và độ ẩm tăng lên, quá trình rửa trôi giảm sút.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây đúng với công nghiệp năng lượng của Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng rất đa dạng và dồi dào.

 **B.** Cơ sở năng lượng (điện) đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp.

 **C.** Sử dụng điện lưới quốc gia qua đường dây 500 kv.

 **D.** Đã xây dựng một số nhà máy nhiệt điện quy mô trung bình.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt có lượng mưa trung bình năm lớn hơn Nha Trang là chủ yếu là do

 **A.** nằm ở vĩ độ thấp hơn. **B.** có địa hình cao chắn gió.

 **C.** lượng bốc hơi ít hơn. **D.** ít chịu ảnh hưởng của hiệu ứng phơn.

**Câu 10:** Hoạt động viễn thông nước ta hiện nay có đặc điểm

 **A.** tăng nhanh số lượng bưu cục.

 **B.** mạng lưới viễn thông quốc tế chưa phát triển.

 **C.** tự động hóa cao, đa dạng dịch vụ.

 **D.** mạng lưới phân bố chưa hợp lí.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết Đèo Ngang thuộc dãy núi nào sau đây?

 **A.** Bạch Mã. **B.** Pu Đen Đinh. **C.** Hoành Sơn. **D.** Con Voi.

**Câu 12:** Công nghiệp chế biến sữa và sản phẩm từ sữa phát triển mạnh ở các đô thị lớn chủ yếu là do có

 **A.** cơ sở vật chất kĩ thuật tốt. **B.** thị trường tiêu thụ rộng lớn.

 **C.** giao thông vận tải phát triển. **D.** lao động có kĩ thuật cao.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết khí đốt làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện Cà Mau được lấy ở mỏ nào sau đây?

 **A.** Rồng. **B.** Rạng Đông. **C.** Cái Nước. **D.** Bạch Hổ.

**Câu 14:** Việc xây dựng các cảng nước sâu ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.

 **B.** Làm tăng khả năng thu hút các nguồn đầu tư.

 **C.** Tạo thuận lợi để đa dạng hàng hóa vận chuyển.

 **D.** Giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ.

**Câu 15:** Địa hình vùng núi Trường Sơn Nam có đặc điểm

 **A.** sườn đông thoải, sườn tây dốc. **B.** gồm nhiều dãy núi chạy song song.

 **C.** có các cao nguyên ba dan xếp tầng. **D.** có nhiều khối núi đá vôi đồ sộ.

**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh nào sau đây có cán cân xuất nhập khẩu lớn nhất?

 **A.** Nghệ An. **B.** Đăk Lăk. **C.** Tây Ninh. **D.** Long An.

**Câu 17:** Gió mùa mùa hạ ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Thổi theo hướng tây nam. **B.** Xuất phát từ áp cao Xibia.

 **C.** Tạo nên mùa khô ở Nam Bộ. **D.** Thời tiết lạnh, ít mưa.

**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn có ngành nào sau đây?

 **A.** Luyện kim màu. **B.** Chế biến nông sản.

 **C.** Điện tử. **D.** Luyện kim đen.

**Câu 19:** Nguyên nhân chủ yếu của sự khác nhau trong các sản phẩm chuyên môn hóa nông nghiệp của Trung và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên là do

 **A.** trình độ thâm canh. **B.** điều kiện kinh tế -xã hội.

 **C.** điều kiện sinh thái nông nghiệp. **D.** tập quán canh tác.

**Câu 20:** Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch ở nước ta hiện nay?

 **A.** Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.

 **B.** Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.

 **C.** Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.

 **D.** Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất có diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là loại đất nào sau đây?

 **A.** Đất phèn. **B.** Đất mặn.

 **C.** Đất xám trên phù sa cổ. **D.** Đất phù sa sông.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích cây công nghiệp lâu năm nhỏ hơn diện tích cây công nghiệp hàng năm?

 **A.** Lâm Đồng. **B.** Đắk Lắk. **C.** Nghệ An. **D.** Đắk Nông.

**Câu 23:** Cho bảng số liệu:

GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ XIN-GA-PO GIAI ĐOẠN 2010 – 2019

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2016** | **2019** |
| Ma-lai-xi-a | 255 | 323 | 297 | 364 |
| Sin-ga-po | 236 | 303 | 297 | 372 |

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Kết hợp.

**Câu 24:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2018** | **2020** |
| Dầu thô | 3823,8 | 2885,6 | 2196,8 | 2031,4 |
| Than đá | 185,1 | 287,1 | 321,5 | 168,8 |
| Hàng điện tử, máy tính và linh kiện | 15607,6 | 26281,9 | 29562,0 | 35925,6 |
| Điện thoại các loại và linh kiện | 30239,6 | 45609,9 | 49531,3 | 51378,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2015-2020?

 **A.** Giá trị xuất khẩu hàng điện tử, máy tính và linh kiện tăng nhiều nhất.

 **B.** Giá trị xuất khẩu hàng điện thoại các loại và linh kiện luôn cao nhất.

 **C.** Giá trị xuất khẩu hàng điện thoại các loại và linh kiện tăng nhanh nhất.

 **D.** Giá trị xuất khẩu của dầu thô và than đá liên tục giảm.

**Câu 25:** Nguyên nhân chủ yếu làm hạn chế số ngày ra khơi của hoạt động khai thác thủy sản nước ta là

 **A.** nguồn lợi thủy sản suy giảm, môi trường suy thoái.

 **B.** dịch vụ thủy sản và chế biến thủy sản chưa phát triển.

 **C.** tàu thuyền, phương tiện đánh bắt chưa hiện đại.

 **D.** hoạt động của bão và gió mùa Đông Bắc.

**Câu 26:** Tính chất nhiệt đới của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ rõ rệt hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu là do

 **A.** ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm sút.

 **B.** vị trí gần chí tuyến và xa biển hơn.

 **C.** chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam.

 **D.** địa hình núi thấp chủ yếu bảo toàn tính nhiệt đới.

**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

 **A.** Lạng Sơn. **B.** Cao Bằng. **C.** Hà Giang. **D.** Hạ Long.

**Câu 28:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

 **A.** Sơn La. **B.** Thái Nguyên. **C.** Hạ Long **D.** Thanh Hóa.

**Câu 29:** Hoạt động ngoại thương nước ta có những chuyển biến tích cực thể hiện ở

 **A.** tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng nhanh.

 **B.** cả nước hình thành thị trường thống nhất, hàng hóa đa dạng.

 **C.** giá trị nhập khẩu tăng nhanh hơn giá trị xuất khẩu.

 **D.** thị trường xuất, nhập khẩu được mở rộng và đa dạng hóa.

**Câu 30:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế có tỉ trọng ngành dịch vụ lớn nhất trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** Tiền Giang. **B.** An Giang. **C.** Cần Thơ. **D.** Cà Mau.

**Câu 31:** Việc phân bố lại dân cư và nguồn lao động trên phạm vi cả nước nhằm mục đích chủ yếu là

 **A.** sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và lao động.

 **B.** nâng cao chất lượng và năng suất lao động xã hội.

 **C.** làm tăng tỉ lệ dân thành thị, giảm tỉ lệ dân nông thôn.

 **D.** thúc đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 32:** Vấn đề có ý nghĩa cấp bách đối với nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** đánh bắt xa bờ kết hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

 **B.** khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

 **C.** phát triển chế biến hải sản ngày càng đa dạng, phong phú.

 **D.** đầu tư tàu thuyền, phương tiện đánh bắt hiện đại.

**Câu 33:** Các nhà máy nhiệt điện của nước ta phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

 **A.** Gần các vùng nhiên liệu. **B.** Gần các cảng biển, sân bay.

 **C.** Gần các khu công nghiệp. **D.** Nơi dân cư tập trung đông.

**Câu 34:** Nhân tố nào sau đây có tác động mạnh nhất đến phát triển giao thông vận tải biển nước ta hiện nay?

 **A.** Vị trí ở gần các tuyến hàng hải quốc tế, nhiều vũng, vịnh.

 **B.** Có nhiều tỉnh giáp biển, lượng hàng hóa vận chuyển tăng.

 **C.** Sản xuất trong nước phát triển, đẩy mạnh xuất, nhập khẩu.

 **D.** Vùng biển có diện tích rộng, thông với Thái Bình Dương.

**Câu 35:** Các ngành công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ phát triển chủ yếu dựa vào các nhân tố

 **A.** thị trường rộng lớn, vốn đầu tư lớn, khoa học công nghệ hiện đại.

 **B.** khoáng sản, nguyên liệu của nông, lâm, thủy sản, lao động dồi dào.

 **C.** vị trí địa lí thuận lợi, cơ sở hạ tầng phát triển, chính sách đổi mới.

 **D.** lao động chuyên môn cao, giao thông thuận lợi, năng lượng phong phú.

**Câu 36:** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

 **A.** đô thị hóa, đẩy mạnh việc hội nhập toàn cầu.

 **B.** toàn cầu hóa, kinh tế chuyển sang thị trường.

 **C.** công nghiệp hóa, đa dạng hoạt động dịch vụ.

 **D.** mở rộng sản xuất, thu hút đầu tư nước ngoài.

**Câu 37:** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác thế mạnh cây công nghiệp, dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

 **A.** thúc đẩy công nghiệp chế biến và xuất khẩu nông sản.

 **B.** giải quyết vấn đề việc làm, tăng độ che phủ rừng.

 **C.** đa dạng hóa sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

 **D.** phát triển nông nghiệp hàng hóa, phát huy lợi thế tự nhiên.

**Câu 38:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết các loài động vật chủ yếu của phân khu địa lí động vật Nam Bộ là loại nào sau đây?

 **A.** Rùa, đồi mồi, cá thu, rái cá. **B.** Lợn rừng, mang lớn, sơn dương.

 **C.** Vượn, voọc, khỉ. **D.** Sao la, voi, gà lôi.

**Câu 39:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp với vùng Đồng bằng sông Hồng vừa giáp với vùng Bắc Trung Bộ?

 **A.** Hòa Bình. **B.** Phú Thọ. **C.** Thái Nguyên. **D.** Bắc Giang.

**Câu 40:** Nguyên nhân chủ yếu để Tây Nguyên trở thành vùng nhập cư lớn của nước ta là do

 **A.** có các điểm và trung tâm du lịch nghỉ dưỡng nổi tiếng.

 **B.** công nghiệp chế biến lâm sản và dịch vụ phát triển.

 **C.** giao thông đường bộ thuận lợi kết nối với các vùng lân cận.

 **D.** phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

*Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **D** | **6** | **D** | **11** | **C** | **16** | **B** | **21** | **A** | **26** | **A** | **31** | **A** | **36** | **B** |
| **2** | **C** | **7** | **D** | **12** | **B** | **17** | **A** | **22** | **C** | **27** | **C** | **32** | **B** | **37** | **D** |
| **3** | **D** | **8** | **C** | **13** | **C** | **18** | **B** | **23** | **A** | **28** | **A** | **33** | **A** | **38** | **A** |
| **4** | **D** | **9** | **B** | **14** | **B** | **19** | **C** | **24** | **B** | **29** | **D** | **34** | **C** | **39** | **A** |
| **5** | **A** | **10** | **C** | **15** | **C** | **20** | **D** | **25** | **D** | **30** | **B** | **35** | **B** | **40** | **D** |